

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 9 - 2025

V/v "Ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lan và ông Lê Hữu Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Đức Thiện - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1985; Số định danh cá nhân: 045185007297; Nơi thường trú: Thôn TP, xã T, tỉnh Quảng Trị; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hồ Chí D, sinh năm 1981; Số định danh cá nhân: 045081007197; Nơi thường trú: Thôn TP, xã T, tỉnh Quảng Trị; Nơi công tác: Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Quảng Trị; Vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Hồ Chí D tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND thị trấn Khe Sanh (Nay là xã Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị) vào năm 2010. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng trong những năm gần đây thì hay phát sinh mâu thuẫn do anh D không còn chung thủy. Chị T đã nhiều lần nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng đã được Tòa án hòa giải và anh D cam kết sửa đổi những khuyết điểm, nhưng đến nay anh D vẫn không khắc phục được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng,

không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh D.

- Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là cháu Hồ Dương Quỳnh C, sinh ngày 23/8/2011 và cháu Hồ Dương Anh T, sinh ngày 15/01/2018. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 5.000.000 đồng/tháng/02 con hoặc giao cháu Chi cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng còn chị T được nuôi cháu Tuấn vì cháu Tuấn đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ trong khi anh D đi làm xa nhà; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại Bản tự khai ngày 22/7/2025 và Biên bản hòa giải ngày 31/7/2025, bị đơn anh Hồ Chí D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị T có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, nguyên nhân do công việc của anh D nhiều lúc phải uống rượu bia, dẫn đến hiểu lầm của vợ chồng, anh D thừa nhận bỏ bê, thiếu sự quan tâm, chăm sóc gia đình. Anh D mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau để cùng nhau nuôi dạy các con.

- Về con chung: Anh D và chị T có 02 con chung là cháu Hồ Dương Quỳnh C, sinh ngày 23/8/2011 và cháu Hồ Dương Anh T, sinh ngày 15/01/2018. Trường hợp ly hôn thì anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp:

Nguyên đơn cung cấp: 01 Giấy đăng ký kết hôn (Bản chính); 02 Căn cước công dân (Phô tô chứng thực); 02 Giấy khai sinh của con (Bản sao); Giấy xác nhận thông tin cư trú.

Bị đơn cung cấp: 01 Văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án thu thập chứng cứ: 01 Biên bản xác minh tại Thôn Tân Phú, xã Tân Lập, tỉnh Quảng Trị.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được tiến hành công khai, công bằng. Bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự. Đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, 51, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Dương Thị T ly hôn anh Hồ Chí D.

Về con chung: Giao cháu Hồ Dương Quỳnh C, sinh ngày 23/8/2011 cho anh Hồ Chí D chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Hồ Dương Anh T, sinh ngày 15/01/2018 cho chị Dương Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Hồ Chí D theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên anh Hồ Chí D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Hồ Chí D tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị (Nay là UBND xã Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị) đúng theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, không hạnh phúc, thể hiện qua việc vào năm 2023, 2024 chị Dương Thị T đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Qua xác minh tại địa phương về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh D và chị T hay cãi vã, gây gỗ lẫn nhau, anh D có hành vi bạo lực gia đình đối với chị T, đỉnh điểm là năm 2024 chị T phải thuê nhà trọ ở riêng tại xã Khe Sanh. Như vậy, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân

và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Hồ Chí D.

- Về con chung: Chị Dương Thị T và anh Hồ Chí D có 02 con chung là Hồ Dương Quỳnh Chi, sinh ngày 23/8/2011 và cháu Hồ Dương Anh Tuấn, sinh ngày 15/01/2018. Chị Dương Thị T và anh Hồ Chí D đều có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con sau khi ly hôn. Qua xác minh tại địa phương thì anh D đang là công chức công tác tại Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Quảng Trị, chị T là nhân viên làm việc tại tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam - Chi nhánh Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Như vậy, xét về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con thì chị T và anh D đều có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn. Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến xem xét nguyện vọng của cháu C và cháu T, cháu C có nguyện vọng ở với mẹ. Tuy nhiên, anh D hiện đang công tác tại UBND xã X, cháu T đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ do đó cần giao cháu T cho chị T, còn giao cháu C cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

- Về tài sản chung: Chị Dương Thị T và anh Hồ Chí D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thị T ly hôn anh Hồ Chí D (Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển sổ 01/2010 ngày 29/3/2010 tại UBND thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, nay là UBND xã Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị).

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Dương Quỳnh C, sinh ngày 23/8/2011 cho anh Hồ Chí D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Hồ Dương Anh T, sinh ngày 15/01/2018 cho chị Dương Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Buộc nguyên đơn chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0000857 ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị; Chị Dương Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 7- Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Huy